

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm xuống vùng 1,600 – 1,610 trong ngày hôm nay trước khi lực cầu bắt đáy tại đây đẩy chỉ số hồi phục trở lại và đóng cửa tại mốc 1,657.75 điểm, tăng gần 15 điểm so với hôm qua. Số mã tăng và số mã giảm chênh lệch không nhiều, 14/18 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền có xu hướng phân hóa giữa các ngành. Ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Vùng 1,655 – 1,665 vẫn đóng vai trò vùng kháng cự, tuy nhiên có một điểm tích cực là VN-Index vẫn đóng cửa phía trên kênh giá dưới. Biên độ dao động còn lớn, trong những phiên giao dịch tới, thị trường sẽ tiếp tục tìm điểm cân bằng trong vùng 1,600 – 1,665.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.49** điểm, đóng cửa tại **1657.75** điểm. HNX-Index **-0.42** điểm, đóng cửa tại **274.18** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.73)**, **VHM (+4.03)**, **LPB (+1.48)**, **MWG (+1.17)**, **VNM (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.49)**, **MBB (-0.46)**, **ACB (-0.41)**, **VPB (-0.36)**, **VIX (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,797** tỷ đồng, tăng **41.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 36,796 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 53.43 điểm. Thị trường có **163** mã tăng, 63 mã tham chiếu, **152** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1078.54** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-246.23 tỷ)**, **MSB (-165.16 tỷ)**, **MWG (-163.64 tỷ)**, **SHB (-109.47 tỷ)**, **VIX (-91.60 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-94.47** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.72%**. Các mã diễn biến tích cực:
MWG (+4.37%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+4.03%) [\(Link báo cáo\)](#)
HSG (+2.83%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.67%**. Các mã diễn biến tích cực:
NKG (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDG (+5.35%) [\(Link báo cáo\)](#)
LPB (+4.89%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.72%	0.67%	0.88%	1.45%
1 tuần	-3.51%	-4.00%	-2.27%	-1.51%
1 tháng	0.13%	-1.59%	3.08%	5.69%
3 tháng	21.16%	25.37%	26.02%	32.39%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,657.75	274.18	110.10
% 1D	0.88%	-0.15%	-0.24%
GTKL (tỷ VND)	34,797	2,795	721
%1D	41.46%	47.62%	48.86%
GDNN (tỷ VND)	-1078.54	-94.47	-97.52

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	131.40	SSI	-246.23
TCB	117.30	MSB	-165.16
GEX	79.87	MWG	-163.64
STB	78.91	SHB	-109.47
HDG	67.84	VIX	-91.60

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

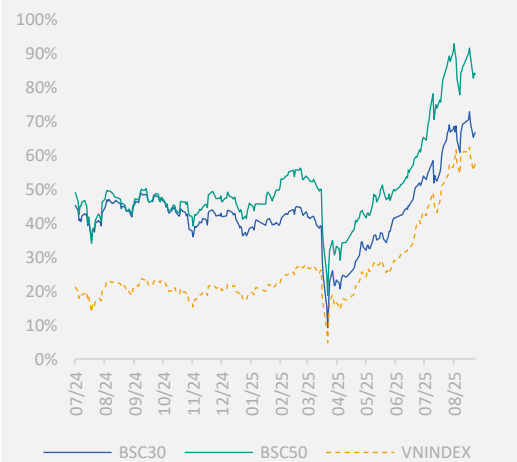
		%D	%W
SPX	6,532	0.30%	1.30%
FTSE100	9,264	0.42%	0.51%
Eurostoxx	5,374	0.31%	0.52%
Shanghai	3,875	1.65%	2.91%
Nikkei	44,422	1.33%	4.33%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.38	-0.30%
Giá vàng	3,618	-1.75%
Tỷ giá		
USD/VND	26,482	0.00%
EUR/VND	31,670	0.06%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.01%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

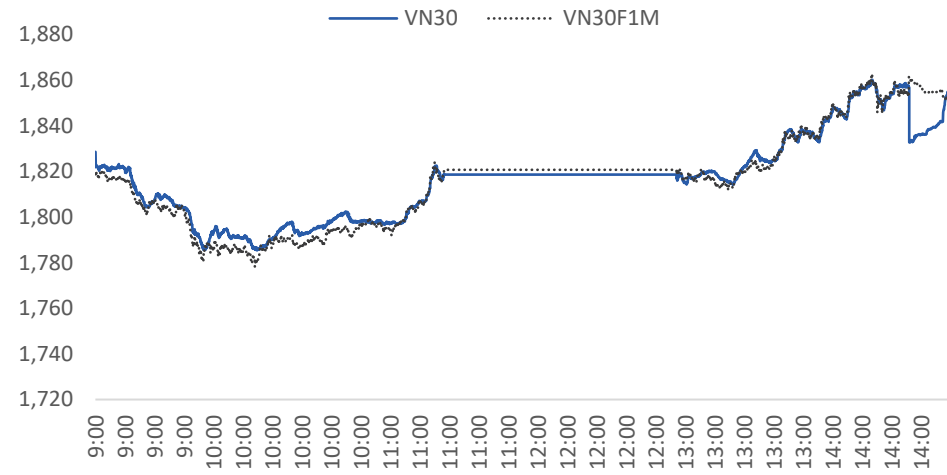
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1853.50	1.57%	503,545	53.5%	18/09/2025	7
41I1FA000	1849.90	1.69%	2,739	110.5%	16/10/2025	35
VN30F2512	1841.60	1.72%	457	108.7%	18/12/2025	98
41I1G3000	1828.90	1.38%	162	149.23%	19/03/2026	189

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +26.45 điểm, đóng cửa tại 1855.08 điểm. Biên độ dao động 74.72 điểm. Các cổ phiếu như VIC, MWG, VHM, LPB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Chỉ số VN30 sau khi lùi về ngưỡng 1,785 thì lực cầu bắt đáy tại đây đã giúp chỉ số hồi phục trở lại. Tuy nhiên, biên độ dao động của chỉ số còn lớn, tiềm ẩn rủi ro.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2507	19/09/2025	8	332,400	9.23%	65.46	180	63.6%	0.00	66.85	61.20	61.20
CMWG2407	4/11/2025	54	2,981,200	0.41%	69.01	1,710	26.7%	1.86	79.12	78.80	78.80
CMWG2514	23/12/2025	103	281,400	2.83%	63.09	3,640	26.0%	3.48	81.03	78.80	78.80
CLPB2504	3/12/2025	83	1,500	5.13%	35.66	2,650	25.0%	2.30	46.26	44.00	44.00
CMWG2503	27/10/2025	46	530,300	1.40%	62.11	3,610	24.5%	3.48	79.90	78.80	78.80
CVHM2508	19/11/2025	69	100	-13.32%	54.44	7,470	23.5%	10.39	91.79	105.90	105.90
CMWG2507	19/11/2025	69	159,100	2.17%	65.72	1,500	22.0%	1.44	80.51	78.80	78.80
CMWG2504	26/03/2026	196	631,000	5.15%	65.06	3,610	21.1%	3.51	82.86	78.80	78.80
CLPB2508	3/04/2026	204	244,700	13.38%	38.69	1,400	20.7%	1.09	49.89	44.00	44.00
CMWG2505	9/10/2025	28	56,000	0.48%	60.14	3,220	19.7%	3.19	79.18	78.80	78.80
CMWG2511	20/05/2026	251	3,876,900	5.74%	63.09	3,420	18.8%	3.34	83.32	78.80	78.80
CLPB2505	5/01/2026	116	530,400	8.02%	36.69	2,710	18.3%	2.21	47.53	44.00	44.00
CMSN2506	19/09/2025	8	658,300	0.07%	75.56	650	16.1%	0.66	82.06	82.00	82.00
CLPB2506	3/02/2026	145	230,200	11.82%	37.40	2,360	13.5%	1.75	49.20	44.00	44.00
CSTB2508	19/09/2025	8	1,800	0.00%	41.00	3,600	13.2%	3.61	55.40	55.40	55.40
CMSN2508	19/11/2025	69	375,100	8.14%	79.78	890	12.7%	0.66	88.68	82.00	82.00
CVIC2508	19/12/2025	99	200	0.55%	61.00	15,150	12.2%	15.16	136.75	136.00	136.00
CMSN2507	20/10/2025	39	641,100	5.24%	78.00	830	12.2%	0.63	86.30	82.00	82.00
CMWG2510	13/04/2026	214	851,300	4.84%	54.22	3,600	11.8%	3.37	82.61	78.80	78.80
CMWG2509	15/12/2025	95	732,100	3.01%	53.73	3,480	11.5%	3.27	81.17	78.80	78.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 11/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 63.64%. CMWG2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.07%.
 - CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2502, CVIC2509, CVHM2408, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	136.00	3.90%	7.02
MWG	78.80	4.37%	5.42
VHM	105.90	4.03%	4.55
LPB	44.00	4.89%	4.27
STB	55.40	2.78%	1.93

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	26.20	-1.32%	-1.06
TCB	38.70	-0.77%	-0.81
VPB	32.25	-0.62%	-0.61
MBB	26.70	-0.93%	-0.53
HDB	31.50	-0.32%	-0.18

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	136.00	3.90%	4.73	3.88
VHM	105.90	4.03%	4.03	4.11
LPB	44.00	4.89%	1.48	2.99
MWG	78.80	4.37%	1.17	1.48
VNM	61.20	2.34%	0.69	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	14.80	2.78%	0.27	0.96
DTK	12.30	2.50%	0.14	0.68
KSF	76.70	0.79%	0.13	0.30
THD	26.70	1.52%	0.11	0.38
PVI	66.00	0.76%	0.08	0.23

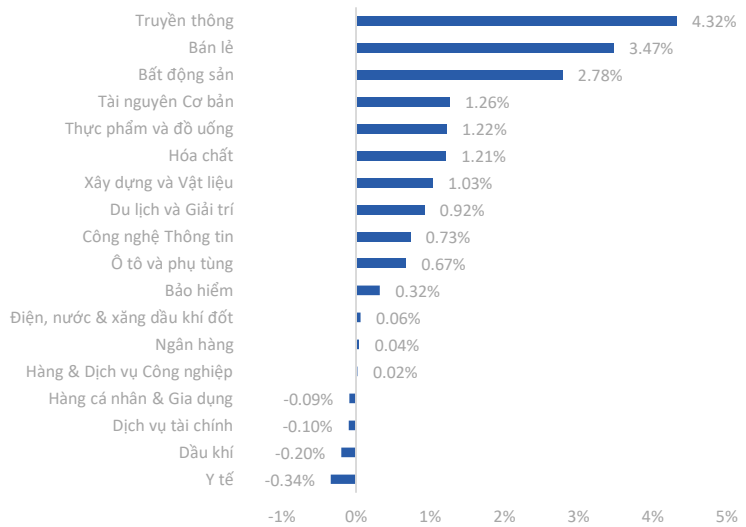
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ICT	16.05	7.00%	0.01	0.26
PMG	9.33	7.00%	0.01	0.01
NKG	19.15	6.98%	0.14	38.72
COM	32.20	6.98%	0.01	0.00
PTC	8.16	6.95%	0.00	0.20

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	60.70	9.96%	0.26	0.43
S99	11.10	9.90%	0.46	1.11
VBC	25.90	9.75%	0.08	0.00
CET	5.70	9.62%	0.01	0.06
TTC	8.00	9.59%	0.02	0.04

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	38.70	-0.77%	-0.49	7.09
MBB	26.70	-0.93%	-0.46	8.05
ACB	26.20	-1.32%	-0.41	5.14
VPB	32.25	-0.62%	-0.36	7.93
VIX	34.80	-2.79%	-0.34	1.53

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	151.00	-2.45%	-0.51	0.20
HUT	18.30	-3.68%	-0.41	0.89
SHS	26.00	-2.26%	-0.36	0.89
VIF	15.60	-4.29%	-0.16	0.35
NVB	15.00	-1.32%	-0.16	1.17

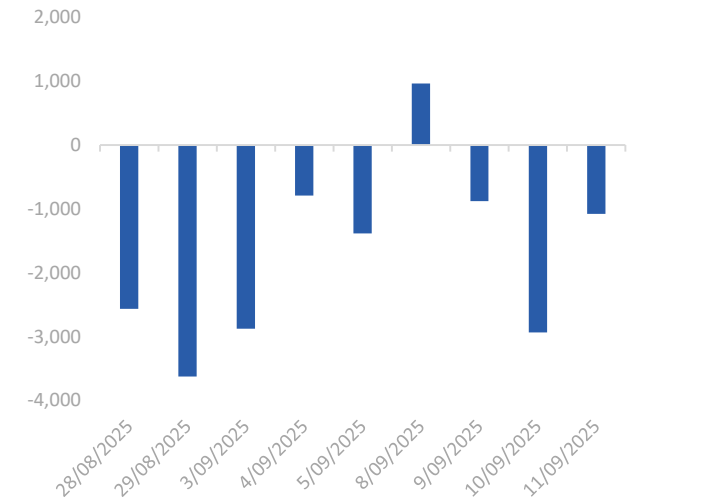
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VDP	45.00	-6.93%	-0.02	0.08
TDW	50.30	-6.85%	-0.01	0.00
DRH	2.76	-6.76%	-0.01	3.24
SBV	8.06	-5.73%	0.00	0.00
CRC	10.10	-5.61%	-0.01	2.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGD	26.60	-9.83%	-0.04	0.00
NBW	33.80	-9.63%	-0.14	0.01
KST	11.40	-8.80%	-0.02	0.00
PPP	19.90	-7.87%	-0.06	0.00
PGT	8.40	-6.67%	-0.02	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.8	4.4%	1.3	116,502	1476.2	3,304	23.9	84,700	47.7%	Link
KBC	Bất động sản	38.3	1.3%	1.5	36,069	444.2	1,835	20.9	-	13.7%	Link
KDH	Bất động sản	35.0	0.9%	1.4	39,278	209.7	716	48.9	39,900	31.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.4	0.0%	1.8	22,928	681.7	177	132.5	28,200	10.7%	Link
VHM	Bất động sản	105.9	4.0%	0.8	434,975	417.3	6,984	15.2	92,000	9.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	102.0	0.8%	0.8	173,758	755.3	5,092	20.0	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.0	-0.4%	0.0	83,713	257.0	(16)		23,200	0.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.2	-0.3%	1.4	16,346	107.3	2,644	12.9	42,800	10.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.3	-1.1%	1.4	29,429	415.1	1,103	24.7		38.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	42.5	0.0%	1.4	88,123	3526.9	1,574	27.0		40.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.5	1.4%	1.3	32,156	496.7	1,369	32.5		28.0%	
DCM	Hóa chất	38.6	1.9%	1.5	20,408	108.9	3,186	12.1	47,300	6.8%	Link
DGC	Hóa chất	97.0	1.2%	1.3	36,839	163.0	8,175	11.9	109,300	12.9%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	-1.3%	0.9	134,580	534.5	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.7	-0.1%	0.9	285,418	232.9	3,683	11.0	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	50.6	0.2%	1.1	271,722	346.5	5,608	9.0	53,500	26.4%	Link
HDB	Ngân hàng	31.5	-0.3%	1.2	110,094	412.1	4,075	7.7	30,800	17.3%	Link
MBB	Ngân hàng	26.7	-0.9%	1.1	215,068	825.9	3,046	8.8	32,000	22.6%	Link
MSB	Ngân hàng	13.6	-1.5%	1.1	42,276	406.3	1,634	8.3	14,000	29.6%	Link
STB	Ngân hàng	55.4	2.8%	1.0	104,441	736.9	6,148	9.0		19.1%	
TCB	Ngân hàng	38.7	-0.8%	1.1	274,238	863.2	3,018	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.7	2.3%	1.2	51,914	632.9	2,423	8.1	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	65.7	-0.2%	0.8	548,968	432.3	4,148	15.8	75,700	21.7%	Link
VIB	Ngân hàng	21.0	0.5%	0.9	71,484	253.4	2,218	9.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	32.3	-0.6%	1.2	255,869	1629.5	2,193	14.7	35,600	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.2	1.0%	1.3	223,740	2142.6	1,750	16.7	34,300	19.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	20.0	2.8%	1.6	12,420	250.3	751	26.6	23,800	10.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	0.0%	1.3	11,315	329.8	4,124	7.1	31,700	4.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.0	1.2%	1.4	118,565	823.7	1,861	44.1	92,700	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.2	2.3%	0.6	127,905	311.3	4,101	14.9	64,500	48.8%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.8	2.70%	1.5	9,589	127.8	2,216	19.7	22.4%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	128.9	0.31%	0.6	21,952	75.5	3,163	40.8	31.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.7	0.70%	1.2	42,832	23.0	3,278	17.6	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	24.0	1.91%	1.5	15,514	500.5	211	113.5	7.1%	1.8%	
DXG	Bất động sản	23.5	1.51%	1.5	23,944	485.1	350	67.2	25.4%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.1	2.63%	1.4	6,260	200.6	482	72.9	6.7%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.5	5.35%	1.5	11,654	214.2	540	58.3	19.2%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	42.5	-1.16%	1.5	16,129	46.1	3,977	10.7	16.5%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	40.4	-2.18%	1.5	15,557	156.4	1,709	23.6	46.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.2	0.34%	1.3	14,091	13.7	5,215	11.2	4.0%	28.1%	
SZC	Bất động sản	33.8	-0.88%	1.3	6,084	40.5	1,978	17.1	2.8%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.2	-1.63%	1.6	18,373	173.4	1,104	19.2	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	136.0	3.90%	0.9	524,010	402.2	3,487	39.0	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	31.1	1.63%	1.0	70,669	154.5	1,937	16.1	17.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.9	0.00%	1.4	8,449	23.2	1,701	23.5	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	35.4	-0.14%	1.0	44,915	71.4	1,661	21.3	16.2%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.9	0.66%	1.3	12,702	268.3	1,428	16.0	4.0%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.2	-1.33%	1.5	12,872	125.1	1,348	27.6	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.1	-1.10%	1.7	20,677	594.8	1,554	23.2	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.0	0.16%	1.0	149,603	50.2	5,002	12.4	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	0.33%	1.2	35,479	187.3	636	23.8	2.7%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.4	-0.75%	0.8	35,966	54.5	4,417	15.0	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	145.4	0.35%	0.7	86,020	310.4	3,427	42.4	7.3%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.9	0.76%	1.6	47,737	815.2	1,736	30.5	6.5%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.9	0.29%	1.2	28,951	150.7	3,826	18.0	41.7%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.8	-1.73%	1.2	9,591	115.5	5,700	10.0	6.3%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-0.56%	1.2	8,388	34.0	2,306	7.7	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.7	-0.70%	0.0	12,020	29.5	3,317	29.8	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.2	0.00%	1.1	29,127	100.4	6,115	14.1	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.0	0.00%	1.0	3,361	55.7	2,693	11.1	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.0	-1.48%	1.5	2,452	14.1	2,841	7.0	16.5%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.3	-0.38%	1.4	17,848	68.6	957	27.4	7.5%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.8	1.59%	1.4	115,000	75.0	1,331	21.6	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	27.0	0.37%	1.0	50,293	282.0	1,783	15.1	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	44.0	4.89%	0.4	131,440	172.5	3,324	13.2	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.3	-1.29%	0.0	26,250	29.0	2,260	6.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.1	-1.14%	0.9	34,753	74.6	1,130	11.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	19.2	6.98%	1.5	8,571	710.6	666	28.8	7.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.3	2.35%	1.6	7,535	118.2	1,871	15.1	2.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.4	-0.29%	0.6	10,443	68.6	1,981	17.3	3.1%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.4	0.32%	0.6	59,511	36.8	3,185	14.6	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.7	2.93%	1.2	13,400	140.0	6,444	9.3	20.1%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	151.5	2.02%	0.6	12,402	11.4	13,894	10.9	85.3%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.7	0.13%	1.4	7,678	31.3	4,512	16.8	46.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.4	-0.46%	1.3	9,997	24.1	4,930	17.7	6.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.0	2.33%	1.5	4,430	84.4	2,518	17.5	2.0%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.6	-0.34%	1.5	7,238	135.2	1,077	13.5	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.3	0.19%	1.2	9,406	98.1	1,189	22.1	14.7%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.8	1.78%	1.2	16,647	311.8	1,195	21.5	8.6%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	56.9	1.43%	1.5	25,511	60.8	3,343	17.0	6.0%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
3	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
6	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
11	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
12	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
13	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
25	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>